**Số: 5924358**

| | Kia New Sorento 2.2D Signature FWD | Mazda MX-5 ST Mui mềm MT |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **1.339.000.000đ** | **1.339.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4815 x 1900 x 1700 | 3,915 x 1,735 x 1,240 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2815 | 2,310 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5780 | |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 176 | 135 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 357 | 130 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 67 | |
| Số chỗ ngồi | 7 | 2 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | Smartstream D2.2 | Skyactiv-G 2.0L |
| Dung tích xi lanh (cc) | 2151 | |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 198/3800 | 181/ 7000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 440/1750-2750 | 205/ 4000 |
| Hộp số | 8-DCT | 6MT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước | Cầu sau (RWD) |
| Hệ thống treo trước | McPherson | Tay đòn kép |
| Hệ thống treo sau | Liên kết đa điểm | Liên kết đa điểm |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 255/45 R20 | 205/45 R17 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 7.5 | |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.2 | |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 6 | |
| Chế độ lái | Comfort/Eco/Sport/Smart | Sport |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED Projector | LED Projector |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ● | Thích ứng thông minh ALH |
| Đèn ban ngày LED | ● | ● |
| Đèn sương mù | LED | |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | ● (Gập cơ) |
| Gạt mưa tự động | ● | ● |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● + sưởi | ● |
| Chất liệu ghế | Da | Da màu Đen |
| Ghế người lái chỉnh điện | ● | |
| Ghế người lái có nhớ vị trí | ● | |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ● | |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng) | |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi | ● | ● |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | |

| | | |
|---|---|---|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 12.3'' | 4.6 |
| Màn hình HUD | ● | |
| Màn hình giải trí trung tâm | 12.3 | 8.8 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ● | ● (Apple Carplay không dây) |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | Tự động 2 vùng độc lập | 1 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Khởi động từ xa | ● | |
| Hệ thống âm thanh | 12 loa Bose | 9 loa Bose |
| Lẫy chuyển số | ● | |
| Sạc không dây Qi | ● | |
| Phanh đỗ điện tử | ● | Phanh tay chỉnh cơ |
| Giữ phanh tự động Autohold | ● | |
| Đèn trang trí nội thất | ● | |
| Rèm che nắng | ● | |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | |
| **AN TOÀN:** | | |
| Số túi khí | 6 | 4 túi khí |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước & Sau | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) | ● |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm) | ● |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường | ● | |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường | ● | |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động | ● FCA 2.0 | ● (Trước và Sau) |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ● | |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | |
| Camera lùi | Camera 360 | ● |
| Khác | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) | Cảnh báo người lái nghỉ ngơi DAA |